Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Mẫu số 01B. BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC MỜI THẦU

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT[(1)]	Mô tả công việc mời thầu[(2)]	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật chính[(3)]	Khối lượng mời thầu[(4)]	Đơn vị tính[(5)]
1	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	Theo quy định tại Chương V	0	HM
2	MÁI CHE NHÀ XE	Theo quy định tại Chương V	0	HM
3	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	1,8175	100m3
4	Đắp cát đầm chặt	Theo quy định tại Chương V	13,64	m3
5	Đắp đá 0x4 đầm chặt đệm móng	Theo quy định tại Chương V	0,1364	100m3
6	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 150	Theo quy định tại Chương V	4,301	m3
7	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 250	Theo quy định tại Chương V	22	m3
8	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng móng, đá 1x2, mác 250, PC40	Theo quy định tại Chương V	10,16	m3
9	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 9T, độ chặt yêu cầu K=0,95	Theo quy định tại Chương V	1,6876	100m3

10	Làm móng nền đường lớp trên cấp phối đá dăm 0x4	Theo quy định tại Chương V	0,9643	100m3
11	Rải nilong chống mất nước bê tông nền	Theo quy định tại Chương V	4,8216	100m2
12	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250	Theo quy định tại Chương V	100	m3
13	Cắt nền joint đường bê tông	Theo quy định tại Chương V	40,5	10m
14	Cung cấp lắp đặt cục kê lưới thép hàn	Theo quy định tại Chương V	500	cục
15	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột <= 0,1m2, chiều cao <= 6m, đá 1x2, mác 250	Theo quy định tại Chương V	3,3325	m3
16	Đắp đất nền móng công trình	Theo quy định tại Chương V	126,0665	m3
17	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 10mm	Theo quy định tại Chương V	0,4138	tấn
18	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm	Theo quy định tại Chương V	0,7082	tấn
19	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cổ cột đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	Theo quy định tại Chương V	0,4688	tấn
20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cổ cột, trụ, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	Theo quy định tại Chương V	0,6474	tấn
21	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng móng, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	Theo quy định tại Chương V	0,3361	tấn
22	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng móng, đường kính cốt thép <= 18mm, chiều cao <= 6m	Theo quy định tại Chương V	0,584	tấn
23	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nền, đường kính cốt thép	Theo quy định tại	0,775	tấn

	<= 10mm	Chương V		
24	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột	Theo quy định tại Chương V	0,9372	100m2
25	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn xà dầm, giằng	Theo quy định tại Chương V	0,656	100m2
26	Gia công cột bằng thép hình	Theo quy định tại Chương V	3,4879	tấn
27	Lắp dựng cột thép các loại	Theo quy định tại Chương V	3,4879	tấn
28	Gia công vì kèo thép hình	Theo quy định tại Chương V	8,1353	tấn
29	Lắp dựng vì kèo thép	Theo quy định tại Chương V	8,1353	tấn
30	Gia công Xà gồ mạ kẽm Z150x50x56x20 dày1.5mm	Theo quy định tại Chương V	1,927	tấn
31	Lắp dựng xà gồ thép	Theo quy định tại Chương V	0,0019	tấn
32	Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ	Theo quy định tại Chương V	675,89	m2
33	Cung cấp lắp đặt bulon neo M20x700	Theo quy định tại Chương V	72	bộ
34	Cung cấp lắp đặt bulon neo M20x80	Theo quy định tại Chương V	244	bộ
35	Cung cấp lắp đặt bulon neo M16x80	Theo quy định tại Chương V	64	bộ
36	Cung cấp lắp đặt Giằng xà gồ D12	Theo quy định tại Chương V	88	bộ

37	Cung cấp lắp đặt Giằng cáp D12	Theo quy định tại Chương V	182	bộ
38	Cung cấp lắp đặt tăng đơ D14	Theo quy định tại Chương V	28	bộ
39	Cung cấp lắp đặt Bulong liên kết M12x30mm	Theo quy định tại Chương V	816	bộ
40	Lợp mái che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	Theo quy định tại Chương V	5,755	100m2
41	Cung cấp lắp đặt máng xối	Theo quy định tại Chương V	40	m
42	Cung cấp lắp đặt nắp máng xối	Theo quy định tại Chương V	4	m
43	Cung cấp lắp đặt úp nóc, úp góc, diềm mái khổ 800mm	Theo quy định tại Chương V	73,52	m
44	Cung cấp lắp đặt đai ống xối	Theo quy định tại Chương V	20	cái
45	Lắp đặt ống nhựa miệng bát nối bằng phương pháp dán keo, đoạn ống dài 6m, đường kính ống 114mm	Theo quy định tại Chương V	0,34	100m
46	Lắp đặt Co PVC D114	Theo quy định tại Chương V	10	cái
47	Lắp đặt Y giảm D168/114	Theo quy định tại Chương V	10	cái
48	Lắp đặt Co lơi PVC D168	Theo quy định tại Chương V	2	cái
49	Lắp đặt Cầu chắn rác	Theo quy định tại Chương V	10	cái
50	Lắp đặt ống nhựa uPVC D168mm	Theo quy định tại	0,5	100m

		Chương V		
51	Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 2 bóng	Theo quy định tại Chương V	16	bộ
52	Công tắc đơn 1 chiều	Theo quy định tại Chương V	4	cái
53	Lắp đặt đế cho công tắc	Theo quy định tại Chương V	4	hộp
54	Lắp đặt dây đơn 1x1.5mm2	Theo quy định tại Chương V	480	m
55	Lắp đặt dây cáp CXV 4x10mm2	Theo quy định tại Chương V	186	m
56	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính D20mm	Theo quy định tại Chương V	240	m
57	Lắp đặt tủ điện ngoài trời 500x300x200 (mm)	Theo quy định tại Chương V	1	hộp
58	Lắp đặt MCCB 3P-30A-18KA	Theo quy định tại Chương V	1	cái
59	Lắp đặt MCB 2P-25A-6KA	Theo quy định tại Chương V	1	cái
60	Lắp đặt MCB 1P-10A-6KA	Theo quy định tại Chương V	2	cái
61	Cáp đồng trần 70mm2	Theo quy định tại Chương V	20	m
62	Gia công và đóng cọc chống sét	Theo quy định tại Chương V	7	cọc
63	ĐƯỜNG ỐNG CHỜ	Theo quy định tại Chương V	0	HM

64	CẢI TẠO HỐ GA VÀ ỐNG NHỰA HDPE GÂN XOẮN ĐỂ LUỒN DÂY CHO HỆ THỐNG CÁP NGUỒN , DÂY TÍN HIỆU BÁO CHÁY , DÂY MẠNG CỦA KHO SỐ 3 VÀ KHO SỐ 4	Theo quy định tại Chương V	0	HM
65	Cắt nền đường bê tông	Theo quy định tại Chương V	10,978	10m
66	Đục nền bê tông để tạo rãnh để chôn ống chờ	Theo quy định tại Chương V	54,89	m
67	Đào mương để đặt ống chờ	Theo quy định tại Chương V	137,9961	m3
68	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	Theo quy định tại Chương V	142,8734	m3
69	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	Theo quy định tại Chương V	142,8734	m3
70	Vận chuyển phế thải tiếp 1000m bằng ô tô - 5,0T	Theo quy định tại Chương V	83,532	m3
71	Lắp đặt ống chờ bằng ống nhựa HDPE gân xoắn D80	Theo quy định tại Chương V	5,8629	100m
72	Lắp đặt ống chờ bằng ống nhựa HDPE gân xoắn D60	Theo quy định tại Chương V	4,4729	100m
73	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp móng đường ống	Theo quy định tại Chương V	107,2179	m3
74	Rải gạch thẻ 4x8x19 đánh dấu đường cáp điện	Theo quy định tại Chương V	9,0302	m3
75	Cung cấp lắp đặt băng cảnh báo	Theo quy định tại Chương V	447,293	md
76	Đắp đá 0x4 vị trí đào đường ống	Theo quy định tại Chương V	0,4556	100m3

77	Đổ bê tông nền bù vị trí phá dỡ để lắp đường ống chờ, bê tông nền, đá 1x2, mác 250, PC40	Theo quy định tại Chương V	7,5122	m3
78	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	13,4784	m3
79	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 150	Theo quy định tại Chương V	0,864	m3
80	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn hố ga	Theo quy định tại Chương V	0,1708	100m2
81	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông, hố ga, đá 1x2, mác 250	Theo quy định tại Chương V	3,096	m3
82	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. cốt thép hố ga	Theo quy định tại Chương V	0,3715	tấn
83	Xây gạch 4x8x19, xây hố ga, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V	2,688	m3
84	Trát tường hố ga, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	Theo quy định tại Chương V	26,88	m2
85	Lắp dựng cấu kiện bê tông nắp đan hố ga	Theo quy định tại Chương V	6	cái
86	BỔ SUNG MỘT SỐ HỐ GA VÀ ĐƯỜNG CỐNG THOÁT NƯỚC ĐỂ THU NƯỚC MẶT	Theo quy định tại Chương V	0	HM
87	CỐNG THOÁT NƯỚC	Theo quy định tại Chương V	0	HM
88	Cắt nền đường bê tông	Theo quy định tại Chương V	3,894	10m
89	Đục phá bê tông nền đường để đào mương	Theo quy định tại Chương V	4,9806	m3
90	Đào mương để đặt cống thoát nước mưa, đất cấp II	Theo quy định tại	52,416	m3

		Chương V		
91	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 150	Theo quy định tại Chương V	4,032	m3
92	Đắp cát công trình bằng thủ công, đắp móng đường ống	Theo quy định tại Chương V	40,6678	m3
93	Cung cấp lắp đặt cống BTCT D400	Theo quy định tại Chương V	13	đoạn ống
94	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 400mm	Theo quy định tại Chương V	26	mối nối
95	Lắp đặt gối cống D400	Theo quy định tại Chương V	52	cái
96	Làm móng nền đường lớp trên cấp phối đá dăm 0x4	Theo quy định tại Chương V	0,0602	100m3
97	Đổ bê tông nền bù vị trí phá dỡ để lắp đường ống bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250, PC40	Theo quy định tại Chương V	7,9689	m3
98	HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA	Theo quy định tại Chương V	0	HM
99	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng > 1m, sâu > 1m, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	15,288	m3
100	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 150	Theo quy định tại Chương V	0,588	m3
101	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn hố ga	Theo quy định tại Chương V	0,2099	100m2
102	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông, hố ga, đá 1x2, mác 250	Theo quy định tại Chương V	10,7115	m3
103	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. cốt thép hố ga	Theo quy định tại Chương V	1,2854	tấn

104	Cung cấp lưới thu rác bằng gang kích thước 250x1000(mm)	Theo quy định tại Chương V	6	cái
105	Lắp dựng cấu kiện bê tông nắp đan hố ga	Theo quy định tại Chương V	6	cái
106	PHẦN BÊ TÔNG BÃI ĐỂ XE	Theo quy định tại Chương V	0	HM
107	PHẦN PHÁ DỠ	Theo quy định tại Chương V	0	HM
108	di dời xe máy vi phạm ra khỏi khu vực mặt bằng thi công và đến tập kết mới do chủ đầu tư chỉ định	Theo quy định tại Chương V	2.500	cái
109	Cắt cỏ dọn dẹp mặt bằng	Theo quy định tại Chương V	47,676	100m2
110	Đào san lớp đất hữu cơ trên mặt bằng máy đào 1,25 m3, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	7,1514	100m3
111	Bốc xếp vận chuyển phế thải các loại	Theo quy định tại Chương V	715,14	m3
112	Vận chuyển đất hữu cơ đi đổ bằng ôtô tự đổ 5 tấn trong phạm vi <= 1000m, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	7,1514	100m3
113	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo trong phạm vi <= 5km, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	7,1514	100m3
114	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 5T 1km tiếp theo ngoài phạm vi 5km, đất cấp II	Theo quy định tại Chương V	7,1514	100m3
115	LÀM MỚI	Theo quy định tại Chương V	0	HM
116	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 9T, độ chặt yêu cầu K=0,95	Theo quy định tại Chương V	20,98	100m3
117	Làm móng nền đường lớp trên cấp phối đá dăm 0x4	Theo quy định tại	8,5352	100m3

		Chương V		
118	Rải nilong chống mất nước bê tông	Theo quy định tại Chương V	42,676	100m2
119	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nền sân bãi xe, đường kính cốt thép <= 10mm	Theo quy định tại Chương V	31,5973	tấn
120	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 250	Theo quy định tại Chương V	853,52	m3
121	Cắt joint đường bê tông	Theo quy định tại Chương V	426,76	10m

Chi phí dự phòng(*)
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh: 0%

Ghi chú:
(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.
Trường hợp thiết kế 3 bước và chủ đầu tư đã có thiết kế kỹ thuật làm cơ sở lập hồ sơ mời thầu cho gói thầu xây lắp này (chủ đầu tư chưa tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công), phạm vi công việc của gói thầu xây lắp này có thể bao gồm hạng mục công việc thiết kế bản vẽ thi công. Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần liệt kê hạng mục công việc thiết kế bản vẽ thi công trong Bảng khối lượng công việc mời thầu.
Trường hợp nhà thầu phải thực hiện thiết kế bản vẽ thi công để làm cơ sở thực hiện công việc xây lắp theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có) nhưng trong Bảng khối lượng công việc mời thầu không bao gồm nội dung công việc Thiết kế bản vẽ thi công thì nhà thầu được phân bổ giá của hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng.
(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển…) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.
(*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.